

Bản án số: 969/2022/KDTM-ST
Ngày: 29/11/2022
V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

ÁN CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Dung

2. Ông Lê Phú Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2015/TLST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2022/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2022/QĐHPT-KDTM ngày 19/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2022/QĐHPT-KDTM ngày 10/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

Trụ sở: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Kiên, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tầng 15, số 9-11 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 0385-02/2022/UQ-TCB ngày 23/5/2022)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.

Trụ sở: 205A Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Tài, sinh năm 1982

Địa chỉ: Căn hộ 0.5 chung cư 250 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 16/UQ-PTSG/2022 ngày 24/02/2022)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị Y, sinh năm 1943
2. Ông Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1945 (chết năm 2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Hải:

- Bà Đinh Thị Y, sinh năm 1943
- Ông Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1975
- Bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1974
- Bà Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1966
- Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1971
- Ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1975
4. Bà Lê Thị Châm, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Thôn Hà Lâm 2, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

5. Bà Phạm Thị Sen, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

6. Ông Phạm Văn Kiên, sinh năm 1968

7. Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1966

8. Ông Phạm Tuấn Anh, sinh năm 1996

9. Ông Phạm Anh Tuấn, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn Hà Lâm 1, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

10. Ông Nguyễn Khắc Gia, sinh năm 1971

11. Bà Dương Thị Thanh Huyền (Dương Thị Huyền), sinh năm 1977

12. Bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1996

13. Ông Nguyễn Khắc Việt, sinh năm 2001

14. Ông Nguyễn Khắc Nhượng

Cùng địa chỉ: Thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội.

15. Bà Trịnh Thị Chim, sinh năm 1935

Địa chỉ: Xóm 2, Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

(Ông Phạm Ngọc Kiên, ông Hoàng Văn Tài có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc Kiên (viết tắt là ông Kiên) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn (viết tắt Công ty Sài Gòn) cùng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (viết tắt là Ngân hàng - Chi nhánh Sài Gòn) đã cùng ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013 (viết tắt Hợp đồng); khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 1.310.000.000 đồng ngày 24/5/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014 và ủy nhiệm chi cho 3 khoản nợ trên. Thông báo về việc tài sản được bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng Techcombank ngày 14/6/2013 của ông Nguyễn Khắc Gia, bà Dương Thị Thanh Huyền (Dương Thị Huyền), bà Nguyễn Thị Hạnh.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng đã ký kết các hợp đồng thế chấp với chủ tài sản như sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60084/HĐTC-BDS/TCB ngày 16/5/2012 để thế chấp tài sản là thửa đất số 75(1), tờ bản đồ số 27, diện tích 128m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W981357, số HS 23011070, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00326QSDĐ/1649-H do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 14/11/2013 cho bà Trịnh Thị Chim.

Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội ngày 16/5/2012.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60108/HĐTC-BDS/TCB ngày 03/10/2012 để thế chấp tài sản là thửa đất số 28, tờ bản đồ số 30, diện tích còn lại 397m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W520924, do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 18/02/2005.

Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60110/HĐTC-BDS/TCB ngày 03/10/2012 để thế chấp tài sản là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 7, diện tích còn lại 194m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA871444, số vào sổ cấp GCN CH 00020.2010/1007/QĐ-UBND.2010 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 07/4/2010 cho ông Phạm Văn Kiên, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 28/6/2010.

Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

4. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60111/HĐTC-BDS/TCB ngày 03/10/2012 để thế chấp tài sản là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 4, diện tích 546m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ243747, số vào sổ cấp GCN số 1390/QSDĐ/TL do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 15/10/2004 cho hộ gia đình bà Đinh Thị Y.

Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

Ngày 21/6/2016 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc là 2.600.000.000 đồng và rút yêu cầu phát mại thửa đất số 75(1), tờ bản đồ số 27, diện tích 128m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W981357, số HS 23011070, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00326QSDĐ/1649-H do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 14/11/2013 cho bà Trịnh Thị Chim.

Ngày 12/9/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc là 706.714.600 đồng và tiền lãi 893.285.400 đồng. Tổng cộng 1.600.000.000 đồng và rút yêu cầu phát mại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 7, diện tích còn lại 194m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA871444, số vào sổ cấp GCN CH 00020.2010/1007/QĐ-UBND.2010 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 07/4/2010 cho ông Phạm Văn Kiên, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 28/6/2010.

Ngày 10/10/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc là 733.119.829 đồng và tiền lãi 966.880.171 đồng. Tổng cộng 1.700.000.000 đồng và rút yêu cầu phát mại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 4, diện tích 546m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ243747, số vào sổ cấp GCN số 1390/QSDĐ/TL do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 15/10/2004 cho hộ gia đình bà Đinh Thị Y.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nguyên đơn đề nghị Tòa án:

1/ Buộc Công ty Sài Gòn thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể (tạm tính đến hết ngày 29/11/2022):

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, số tiền còn nợ: 21.082.946 đồng (1);

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014. Số tiền còn nợ bao gồm: 976.880.171 đồng nợ gốc và 1.296.703.003 đồng nợ lãi. Tổng cộng: 2.273.583.174 đồng (2).

Tổng (1) + (2) = 2.294.666.120 đồng

2/ Buộc Công ty Sài Gòn thanh toán phần nợ lãi, phát sinh theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD-HM/TCB-SGN ngày

12/06/2013 và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/11/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3/ Trong trường hợp Công ty Sài Gòn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 28 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội.

4/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Sài Gòn đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Sài Gòn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Ông Hoàng Văn Tài (viết tắt là ông Tài) đại diện theo ủy quyền bị đơn Công ty Sài Gòn trình bày:

Bị đơn xác nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Bị đơn làm việc nhiều lần với nguyên đơn, để hai bên cùng bàn bạc, giải quyết liên quan đến các khoản vay giữa Công ty Sài Gòn và Ngân hàng. Tuy nhiên, hai bên không thỏa thuận được vụ kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Kiên, bà Nguyễn Thị Thu và ông Phạm Tuấn Anh trình bày:

Ông bà có ký hợp đồng thế chấp cho bị đơn vay của ngân hàng, đồng ý cùng Công ty trả nợ cho ngân hàng tương ứng với khoản vay của tài sản thế chấp. Do ở xa, ông bà xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Các ông bà Đinh Thị Y, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Hiền, Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Oanh, Lê Thị Châm cùng trình bày:

Bà Đinh Thị Y, ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị Châm và ông Nguyễn Văn Thành có ký hợp đồng thế chấp cho bị đơn vay của ngân hàng. Gia đình đang cố gắng trả nợ cho ngân hàng tương ứng với khoản vay của tài sản thế chấp. Do ở xa, ông bà xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Ông Phạm Anh Tuấn trình bày: ông có mua 97m² đất của ông Phạm Văn Kiên. Ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC442377 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 22/6/2010, vào sổ cấp GCN 2220.QĐ.UBND.2010 CH.00047.2010. Ông không liên quan đến vụ kiện, do ở xa, ông xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Ông Nguyễn Khắc Gia, bà Dương Thị Huyền (Dương Thị Thanh Huyền) trình bày:

Ông bà có ký hợp đồng thế chấp cho bị đơn vay của ngân hàng. Ông bà đồng ý trả khoản vay, đề nghị ngân hàng xem xét giảm tiền lãi, cho thời gian 03 tháng từ ngày Tòa hòa giải. Do ở xa, ông bà xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Ông Nguyễn Khắc Việt, bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày:

Chúng tôi không liên quan đến khoản vay ông Nguyễn Khắc Gia, bà Dương Thị Huyền (Dương Thị Thanh Huyền) vay và thế chấp cho ngân hàng. Do ở xa, chúng tôi xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Các đương sự khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, đương sự không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Ông Kiên giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Ông Tài giữ nguyên nội dung đã trình bày, chỉ đề nghị nguyên đơn xem xét giảm tiền lãi cho phía bị đơn.

Ông Nguyễn Khắc Gia, bà Dương Thị Huyền (Dương Thị Thanh Huyền), ông Nguyễn Khắc Việt, bà Nguyễn Thị Hạnh có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ: Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013; các khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 1.310.000.000 đồng ngày 24/5/2014, số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014 và ủy nhiệm chi cho 3 khoản nợ trên;

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bà Trịnh Thị Chim, ông Phạm Văn Kiên, hộ gia đình bà Đinh Thị Y.

Nguyên đơn yêu cầu giải quyết

1/ Buộc Công ty Sài Gòn) thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể (tạm tính đến hết ngày 29/11/2022):

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, số tiền còn nợ: 21.082.946 đồng (1);

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014. Số tiền còn nợ bao gồm: 976.880.171 đồng nợ gốc và 1.296.703.003 đồng nợ lãi. Tổng cộng: 2.273.583.174 đồng (2).

Tổng (1)+ (2) = 2.294.666.120 đồng

2/ Buộc Công ty Sài Gòn thanh toán phần nợ lãi, phát sinh theo lãi suất quá hạn

theo thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD-HM/TCB-SGN ngày 12/06/2013 và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/11/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3/ Trong trường hợp Công ty Sài Gòn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 28 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội. Do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại 397m² ngày 18/02/2005.

4/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Sài Gòn đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Sài Gòn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 318, 342, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Hợp đồng hạn mức số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 1.310.000.000 đồng ngày 24/5/2014, số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014 và ủy nhiệm chi cho 3 khoản nợ trên được ký giữa Công ty Sài Gòn với Ngân hàng và các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định Công ty Sài Gòn có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền:

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 21/10/2013, công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn. Địa chỉ trụ sở chính: 81 Phan Đăng Lưu, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 07/10/2016, công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn. Địa chỉ trụ sở chính: 404 Trường Sa, Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 26, ngày 24/3/2021, công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn. Địa chỉ trụ sở chính: 205A Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hồ sơ thụ lý ngày 17/8/2015, bị đơn liên tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính, ngày 15/7/2022 các đương sự ký bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tư cách người tham gia tố tụng:

Ngày 21/6/2016 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại thửa đất số 75(1), tờ bản đồ số 27, diện tích 128m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W981357, số HS 23011070, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00326QSĐĐ/1649-H do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 14/11/2013 cho bà Trịnh Thị Chim.

Ngày 12/9/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 7, diện tích còn lại 194m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA871444, số vào sổ cấp GCN CH 00020.2010/1007/QĐ-UBND.2010 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 07/4/2010 cho ông Phạm Văn Kiên, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 28/6/2010.

Ngày 10/10/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 4, diện tích 546m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ243747, số vào sổ cấp GCN số 1390/QSĐĐ/TL do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 15/10/2004 cho hộ gia đình bà Đinh Thị Y.

Ông Phạm Anh Tuấn mua 97m² đất của ông Phạm Văn Kiên. Ông Phạm Anh Tuấn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC442377 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 22/6/2010, vào sổ cấp GCN 2220.QĐ.UBND.2010 CH.00047.2010.

Ông Nguyễn Khắc Nhượng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 88m² giữa hộ ông Nguyễn Khắc Gia và ông Nguyễn Khắc Nhượng. Hiện ông Nguyễn Khắc Gia còn được sử dụng 397m² đất, sơ đồ chỉnh lý ở trang 3, cập nhật ngày 18/02/2005. Phần diện tích ông Gia sử dụng phù hợp với Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60108/HĐTC-BDS/TCB ngày 03/10/2012 và tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết khoản nợ và tài sản thế chấp liên quan đến quyền sử dụng hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia.

Từ những phân tích trên, xác định bà Trịnh Thị Chim, gia đình ông Phạm Văn Kiên, hộ gia đình bà Đinh Thị Y, ông Phạm Anh Tuấn, ông Nguyễn Khắc Nhượng không còn liên quan vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Khắc Gia, bà Dương Thị Huyền (Dương Thị Thanh Huyền), ông Nguyễn Khắc Việt, bà Nguyễn Thị Hạnh có đơn xin

vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013; các khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 1.310.000.000 đồng ngày 24/5/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014 và các ủy nhiệm chi cho 3 khoản nợ trên;

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng đã ký kết các hợp đồng thế chấp với chủ tài sản như sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60084/HĐTC-BĐS/TCB ngày 16/5/2012 để thế chấp tài sản do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 14/11/2013 cho bà Trịnh Thị Chim. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội ngày 16/5/2012;

2. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60108/HĐTC-BĐS/TCB ngày 03/10/2012 để thế chấp tài sản do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 18/02/2005. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012;

3. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60110/HĐTC-BĐS/TCB ngày 03/10/2012 để thế chấp tài sản do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 07/4/2010 cho ông Phạm Văn Kiên, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 28/6/2010. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

4. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60111/HĐTC-BĐS/TCB ngày 03/10/2012 để thế chấp tài sản do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 15/10/2004 cho hộ gia đình bà Đinh Thị Y. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

Ngày 21/6/2016 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại thừa đất do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 14/11/2013 cho bà Trịnh Thị Chim.

Ngày 12/9/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại thừa đất do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 07/4/2010 cho ông Phạm Văn Kiên, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 28/6/2010.

Ngày 10/10/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và rút yêu cầu phát mại thừa đất do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 15/10/2004 cho hộ gia đình bà Đinh Thị Y.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu giải quyết

1/ Buộc Công ty thiết bị phụ tùng Sài Gòn thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam tổng số tiền là 2.294.666.120 đồng (tạm tính đến hết ngày 29/11/2022) theo 02 khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, số tiền còn nợ: 21.082.946 đồng;

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014. Số tiền còn nợ bao gồm: 976.880.171 đồng nợ gốc và 1.296.703.003 đồng nợ lãi. Tổng cộng: 2.273.583.174 đồng.

2/ Buộc Công ty Sài Gòn thanh toán phần nợ lãi, phát sinh theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD-HM/TCB-SGN ngày 12/06/2013 các khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/11/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3/ Trong trường hợp Công ty Sài Gòn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 28 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội. Do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại 397m² ngày 18/02/2005.

4/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Sài Gòn đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Sài Gòn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, bị đơn còn nợ 21.082.946 đồng. (1)

Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 24/11/2014, bị đơn còn nợ: Tiền nợ gốc 976.880.171 đồng nợ gốc và 1.296.703.003 đồng nợ lãi. Tổng cộng: 2.273.583.174 đồng (2).

Tổng (1)+ (2) = 2.294.666.120 đồng (căn cứ bảng tính lãi ngày 29/11/2022)

Căn cứ Hợp đồng hạn mức số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng ngày 22/5/2014, số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 23/5/2014 và ủy nhiệm chi cho 2 khoản nợ trên được ký giữa Công ty Sài Gòn với Ngân hàng; căn cứ bảng kê tính lãi chi tiết đến ngày 29/11/2022, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện Công ty Sài Gòn đã được giải ngân đúng số tiền.

Công ty Sài Gòn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các bên đã nhiều lần thương lượng, thỏa thuận nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Công ty Sài

Gòn đã thanh toán và giải chấp 03 Giấy chứng nhận, hiện số tiền chưa thanh toán và còn thế chấp 01 Giấy chứng nhận đúng như yêu cầu nguyên đơn trình bày.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty Sài Gòn phải trả số tiền là 2.294.666.120 đồng (tạm tính đến ngày 29/11/2022); và khoản lãi phát sinh từ ngày 30/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Để bảo đảm khoản vay, hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60108/HĐTC-BDS/TCB ngày 03/10/2012 và Thông báo về việc tài sản được bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng Techcombank ngày 14/6/2013 để thế chấp tài sản do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 18/02/2005. Bên được bảo đảm là Công ty Sài Gòn. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012 theo đúng quy định.

Tại phiên tòa, các đương sự xác nhận do sai sót trong đánh máy, tại trang 02, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 04/10/2012, mục 3.1.3 ghi diện tích đất thế chấp là 485m². Như đã nhận định phần trên, đăng ký phần diện tích còn lại ngày 18/02/2005 là 397m² phù hợp với diện tích trong hợp đồng thế chấp.

Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W520924, do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại 397m², cập nhật ngày 18/02/2005. Hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia tại thời điểm cấp giấy chứng nhận có ông Nguyễn Khắc Gia, bà Dương Thị Huyền (Dương Thị Thanh Huyền), Nguyễn Thị Hạnh (sinh ngày 04/8/1996); Nguyễn Khắc Việt (sinh ngày 05/6/2001). Việc ông Gia, bà Huyền, Hạnh ký hợp đồng thế chấp tài sản và Thông báo về việc tài sản được bảo đảm cho khoản vay là theo quy định. Do đó, nếu Công ty Sài Gòn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên phát mãi tài sản bảo đảm.

[2.4] Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Sài Gòn đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Sài Gòn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Sài Gòn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng khác: Ngân hàng đã đóng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Công ty Sài Gòn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Vì các lẽ trên;

ÁN CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 318, 342, 355 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số tiền 2.294.666.120 (Hai tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm hai mươi) đồng theo 02 khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/5/2014, số tiền còn nợ: 21.082.946 (Hai mươi một triệu không trăm tám mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi sáu) đồng;

- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 23/5/2014. Số tiền còn nợ bao gồm: 976.880.171 (Chín trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn một trăm bảy mươi một) đồng nợ gốc và 1.296.703.003 (Một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm không ba ngàn không không ba) đồng nợ lãi. Tổng cộng: 2.273.583.174 (Hai tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba ngàn một trăm bảy mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 30/11/2022, Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/5/2014; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 23/5/2014.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9556/HĐTD/TCB-SGN ngày 12/6/2013; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/5/2014; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 23/5/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam thì lãi suất mà Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

Ngay sau khi Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn thanh toán đủ số tiền, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam trả lại cho Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W520924, do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại 397m², cập nhật ngày 18/02/2005.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 28 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W520924, do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 10/12/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Gia, đăng ký phần diện tích còn lại 397m², cập nhật ngày 18/02/2005, theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 60108/HĐTC-BDS/TCB ngày 03/10/2012 và Thông báo về việc tài sản được bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng Techcombank ngày 14/6/2013 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và Môi trường) huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2012.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 77.893.322 (Bảy mươi bảy triệu tám trăm chín mươi ba ngàn ba trăm hai mươi hai) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.516.000 (Năm mươi sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0000801 ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Chi phí tố tụng khác: Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Ngô Kim Phụng